

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 43/2019/KDTM - ST

Ngày: 12/6/2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Huynh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Ngọc Châu

2. Ông Trần Quang Mẫn

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại phòng trụ sở của Tòa án nhân dân Quận 1, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 350/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1429/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1730/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Phương Đông; Trụ sở: đường Lê D, phường Bến N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tưởng Anh T (theo Giấy ủy quyền số 01/2019/UQ-OCB ngày 19/02/2019 của ông Lê Ngọc H – Giám đốc Trung tâm bán lẻ PGD B)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D; Địa chỉ: đường Trần Quang K, phường Tân Đông, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Kim Y; Địa chỉ: Số đường Trần Quang K, phường Tân Đông, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

3.2. Ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: Ấp Trung T, xã Xuân L, thị xã Long K, tỉnh Đồng Nai

Phiên tòa vắng mặt ông T, bà Y, bà D, ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Phương Đ có người đại diện hợp pháp là ông Trương Anh T trình bày:

Ngày 13/08/2012, Ngân hàng TMCP Phương Đ – Chi nhánh Đồng Nai- Phòng giao dịch Biên Hòa (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị D đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0054/2012/HĐTD-CN với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay : 12 tháng (Từ ngày 13/8/2012 đến 13/8/2013); Lãi suất vay: 18%/năm. Áp dụng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của OCB + biên độ tối thiểu 9%/năm. Thay đổi lãi suất: Lãi suất điều chỉnh (thay đổi) theo quy định về lãi suất của OCB trong từng thời kỳ, theo yêu cầu của cấp phê duyệt và theo quy định của Pháp luật; nhưng không được thấp hơn lãi suất cho vay 18%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Mục đích vay: góp vốn vào công ty.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên: Xe ô tô con 7 chỗ, nhãn hiệu NISSAN, màu nhũ vàng, model GRAND, năm sản xuất 2011; số máy: MR18073959R, số khung: 08CNBH000583; biển kiểm soát 51A – 213.46 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 061929 do Phòng CSGT – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/06/2012 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Nguyễn Văn H. Các bên đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô (của bên thứ 3) số 0054/2012/BĐ ngày 13/08/2012, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 14/08/2012.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Nguyễn Thị D đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết về việc trả nợ vay. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay bà Nguyễn Thị D vẫn không thanh toán nợ vay. Tạm tính đến hết ngày 15/5/2019 bà D còn nợ Ngân hàng: 1.255.412.235 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm mười hai ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 450.000.000 đồng; Lãi trong hạn chưa thanh toán: 52.403.000 đồng; Lãi trong hạn chậm thanh toán: 83.315.485 đồng; Lãi chậm thanh toán khi gốc đến hạn: 669.693.750 đồng.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 12/6/2019. Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc Bị đơn thanh toán tiền lãi phạt trong hạn chậm thanh toán tính đến ngày 12/6/2019 là: 84.371.074 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 12/6/2019 là: 1.181.021.750 đồng, gồm: nợ gốc: 450.000.000 đồng; lãi trong hạn: 52.403.00 đồng; Lãi chậm thanh toán khi gốc đến hạn: 678.618.750 đồng.

Trường hợp Bị đơn không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sở hữu, sử dụng đối với xe ô tô 7 chỗ, nhãn hiệu NISSAN, màu nhũ vàng, model GRAND, năm sản xuất 2011, số máy: MR18073959R, số khung: 08CNBH000583, biển kiểm soát 51A – 213.46; Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 061929 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/06/2012 mang tên Nguyễn Thị Kim Y để thu hồi nợ.

Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, về thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và về thời hạn chuẩn bị xét xử;

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Đề nghị đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà Nguyên đơn đã rút và chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán tiền lãi phạt trong hạn chậm thanh toán tính đến ngày 12/6/2019 là: 84.371.074 đồng là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Xét: Lời trình bày của Nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập Hợp đồng tín dụng số 0054/2012/HĐTD-CN ngày 13 tháng 8 năm 2012, bị đơn có vay số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng với thời hạn vay: 12 tháng (Từ ngày 13/8/2012 đến 13/8/2013); lãi suất vay: 18%/năm. Áp dụng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của OCB + biên độ tối thiểu 9%/năm. Thay đổi lãi suất: Lãi suất điều chỉnh (thay đổi) theo quy định về lãi suất của OCB trong từng thời kỳ, theo yêu cầu của cấp phê duyệt và theo quy định của Pháp luật; nhưng không được thấp hơn lãi suất cho vay 18%/năm; Lãi suất quá hạn : Bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Mục đích vay: Vay góp vốn vào công ty. Bà D đã được Ngân hàng giải ngân số tiền trên. Quá trình thực hiện hợp đồng bà D mới thanh toán được 27.459.500 đồng tiền lãi và 102.601 đồng tiền lãi quá hạn.

[6] Xét Hợp đồng tín dụng số 0054/2012/HĐTD-CN ngày 13 tháng 8 năm 2012 được hai bên đã ký có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định về hoạt động ngân hàng của Ngân hàng thương mại, về lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ được quy định tại Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), nên có hiệu lực. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng số 0054/2012/HĐTD-CN, nên phải có nghĩa vụ trả các nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Xét: Mức lãi suất trong hạn và quá hạn mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Xét: Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký và theo quy định tại khoản 1 Điều 299, Điều 303, Điều 307 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), nên cần buộc bên vay phải trả ngay cho Ngân hàng nợ vốn, lãi trong hạn và lãi quá hạn với số tiền tính đến ngày 12/6/2019 là: 1.181.021.750 đồng, gồm: nợ gốc: 450.000.000 đồng; lãi trong hạn: 52.403.000 đồng; Lãi chậm thanh toán khi gốc đến hạn: 678.618.750 đồng;

[9] Xét: Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Nguyễn Văn H và Ngân hàng đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô (của bên thứ 3) số 0054/2012/BĐ ngày 13/08/2012, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 14/08/2012. Tài sản thế chấp là quyền sở hữu, sử dụng đối với xe ô tô con 7 chỗ, nhãn hiệu NISSAN, màu nhũ vàng, model GRAND, năm sản xuất 2011. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 061929 do Phòng CSGT – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/06/2012, số máy: MR18073959R, số khung: 08CNBH000583, biển kiểm soát 51A – 213.46, thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Kim Y.

[10] Xét thấy, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng; theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, là phù hợp với quy định tại các Điều 323, 343, 344, 348,

350, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; khoản 3 Điều 1 Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sở hữu, sử dụng xe ô tô con 7 chỗ, nhãn hiệu NISSAN, màu nhũ vàng, model GRAND, năm sản xuất 2011. Số máy: MR18073959R, số khung: 08CNBH000583, biển kiểm soát 51A – 213.46; Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 061929 do Phòng CSGT – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/06/2012 mang tên Nguyễn Thị Kim Y để thu hồi nợ là có sơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Trường hợp bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên thì nguyên đơn có nghĩa vụ giao trả cho bị đơn bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 061929 do Phòng CSGT – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/06/2012 mang tên Nguyễn Thị Kim Y.

[12] Theo án lệ số 08/2016/AL thì: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vụ án này được Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý lần đầu vào ngày 7/5/2013 theo số thụ lý 215/2013/DS – ST. Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, Bị đơn phải chịu án phí trên 1.181.021.750 đồng đồng phải trả cho nguyên đơn là 47.430.653 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 11.353.794 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2011/06778 ngày 7 tháng 5 năm 2013 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[14] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 299, Điều 303, Điều 307 và khoản 1 Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Luật Thi hành án dân sự,

Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2003 của Tòa án nhân dân tối cao và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử với yêu cầu Bà Nguyễn Thị D trả lãi phạt trong hạn chậm thanh toán tính đến ngày 12/6/2019 là: 84.371.074 đồng của Ngân hàng TMCP Phương Đông

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phương Đông tổng số tiền tính đến ngày 12/6/2019 là: 1.181.021.750 đồng, gồm: nợ gốc: 450.000.000 đồng; lãi trong hạn: 52.403.000 đồng; Lãi chậm thanh toán khi gốc đến hạn: 678.618.750 đồng;

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 13/6/2019, bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng TMCP Phương Đông có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sở hữu, sử dụng xe ô tô con 7 chỗ, nhãn hiệu NISSAN, màu nhũ vàng, model GRAND, năm sản xuất 2011. Số máy: MR18073959R, số khung: 08CNBH000583, biển kiểm soát 51A – 213.46; Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 061929 do Phòng CSGT – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/06/2012 mang tên Nguyễn Thị Kim Y để thi hành án.

Trường hợp bà Nguyễn Thị D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP Phương Đông có trách nhiệm giao trả cho bà Nguyễn Thị Kim Y bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 061929 do Phòng CSGT – Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/06/2012 mang tên bà Nguyễn Thị Kim Y.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 47.430.653 đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Phương Đông số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.353.794 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2011/06778 ngày 7 tháng 5 năm 2013 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh..

4. Ngân hàng TMCP Phương Đông, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi Hành Án Dân sự Quận 1;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Quang Huynh